

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án 02/2019/HSST

Ngày: 17/ 01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Khải
2. Bà Bạc Thị Kiên

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoản - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/HSST ngày 21/12/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 04/01/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Văn S. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1996; Giới tính: Nam. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Lương Văn B, sinh năm 1959. Mẹ đẻ: Lương Thị Đ, sinh năm: 1969. Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án xét xử. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/10/2018, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Lương Văn Đ. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1996; Giới tính: Nam. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Lương Văn B, sinh năm 1959. Mẹ đẻ: Lương Thị Đ sinh năm: 1969. Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án xét xử. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/10/2018, bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Người bị hại: Anh Trần Doãn Đ, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử mặt).

Trú tại: Chợ T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

4. Người làm chứng: Trần Văn S, sinh năm 1982. Trú tại Đội 16, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không lý do)

5. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979. Trú tại: Đội 24, xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Trần Văn T, sinh năm 1973. Trú tại: Đội 24, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1959. Trú tại: Đội 24, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Đều vắng mặt không lý do). Lương Văn B, sinh năm 1959. Trú tại: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn S, Lương Văn Đ là hai anh em sinh đôi cùng làm công tại xưởng sửa chữa ô tô của anh Trần Doãn Đ tại đội 16, xã N, huyện Đ. Anh Đ giao chìa khóa xưởng cho S và Đ để khi làm xong việc thì khóa cửa lại sau đó treo chìa khóa ở cửa xưởng cho thuận tiện cho việc sửa chữa. Lợi dụng việc quản lý xưởng sửa chữa ô tô lỏng lẻo của anh Đ, S và Đ đã 2 lần lén lút, bí mật lấy đồ nghề sửa chữa ô tô của anh Đ đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 18 giờ ngày 10/5/2018, sau khi làm việc tại xưởng sửa chữa ô tô của anh Đ xong, trên đường về lán hút cát của ông Nguyễn Ngọc H ở đội 16, xã N, huyện Đ thì Lương Văn S nói với Lương Văn Đ: "Tỷ nữa lấy cái máy xiết ốc, bu lông đi bán" nghe xong Đ nói: "Lấy thì lấy đi". Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S và Đ đi bộ đến xưởng sửa chữa ô tô của anh Đ để trộm cắp tài sản, lợi dụng buổi tối không có người trông xưởng và chìa khóa treo ở cửa xưởng nên S lấy chìa khóa mở cửa đi vào xưởng còn Đ đứng ngoài canh gác, khi S vào xưởng thì Đ quay về lán nhà ông H lấy xe mô tô nhãn hiệu Wave không biển kiểm soát của ông Hải ra cửa xưởng chờ. S đi vào xưởng mở nắp chiếc hòm gỗ thấy chiếc máy súng nén hơi xiết bu lông, bắn nhíp ô tô nhãn hiệu GT-S55R có giá trị 11.000.000đ tháo rời làm hai phần là phần thân máy và phần đầu máy, Sinh nhật một bao tải xác rắn ở gần đó cho phần thân máy vào trong rồi bê ra ngoài cửa thì thấy Đ đang ngồi trên xe mô tô của ông H đứng ở ngoài. S bê bao tải đựng thân máy đặt vào giá để hàng phía trước xe Đ đang ngồi rồi quay vào trong xưởng lấy nốt phần đầu máy ở trong hòm gỗ bê ra ngoài. S khóa cửa xưởng lại treo chìa khóa tại vị trí cũ trên cổng cửa xưởng và bê đầu máy ngồi lên xe. Sau đó Đ điều khiển xe đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Nguyễn Thị Y ở đội 24, xã N, huyện Đ bán tài sản trộm cắp được 250.000đ. Tiền bán sắt vụn S và Đ đi vào bản X, xã T, huyện Điện B mua ma túy của người đàn ông H'Mông không biết tên và địa chỉ rồi sử dụng hết.

Lần 2: Khoảng 18 giờ ngày 15/5/2028, khi chuẩn bị hết giờ làm tại xưởng ô tô của anh Đ, S lại nói với Đ: "Tỷ nữa về lấy cái máy mài và máy khoan đem bán", Đ nói: "Lấy thì lấy đi". Lúc ra về, khi không còn ai trong xưởng S đã lén lút lấy 01 máy mài hiệu Makita-GA 4030, trị giá 900.000đ và 01 máy khoan hiệu Makita-MT817, trị giá 700.000đ được đặt ở cạnh chiếc hòm gỗ bên trong xưởng rồi dùng áo dài của S bọc lại vào 2 máy mang ra ngoài rồi khóa cửa xưởng lại treo chìa khóa ở chỗ cũ, sau đó S ra chỗ Đ đang đợi sẵn ở ngoài, Đ đèo S bằng xe đạp của gia đình đến quán hàn xì của anh Trần Văn T ở đội 24, xã N, huyện Đ bán cho anh Thủy được 300.000đ. Số tiền bán máy mài và máy khoan S và Đ đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, S và Đ không làm tại

xưởng sửa chữa ô tô của anh Đ nữa. Ngày 10/8/2018 anh Đ có đơn trình báo Công an huyện Đ về việc mất trộm tài sản. Ngày 20/10/2018 Lường Văn S, Lường Văn Đ bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KL- ĐG ngày 27/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, đã xác định giá trị của chiếc máy súng nén hơi xiết bu lông, bắn nhíp lốp ô tô nhãn hiệu GT-S55R giá 11.000.000đ, 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu Makita-GA 4030 giá 900.000đ, 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu Makita-Mt 817 giá 700.000đ. Tổng giá trị tài sản do các bị cáo S và Đ trộm cắp là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Trần Doãn Đ còn khai đã bị mất những tài sản gồm: 01 súng xiết bu lông loại FB- 5000P; 01 máy cắt 95556HN; 01 kiện sơn đại bàng cầm thạch loại 8kg; 02 chiếc kích điện màu đỏ sử dụng bằng hơi; 01 chiếc kích tay loại nhỏ; 01 máy bơm nước màu xanh; 01 bộ cà lê mỏ lết và 01 bộ xích kéo bằng sắt. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không có đủ tài liệu chứng cứ chứng minh S và Đ đã trộm cắp số tài sản trên nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ sau.

Tại bản cáo trạng số 03/CT- VKS- HĐB ngày 20/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Lường Văn S, Lường Văn Đ về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173/BLHS. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về "*Tội trộm cắp tài sản*"; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173/BLHS; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 58/BLHS; Xử phạt bị cáo Lường Văn S từ 12 đến 15 tháng tù. Lường Văn Đ từ 12 đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết 326 các bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Bị cáo Lường Văn S và Lường Văn Đ hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của VKSND huyện Đ không có ý kiến gì tranh luận, lời nói sau cùng của các bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, còn về hình phạt đề nghị xét xử các bị cáo đúng pháp luật;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lường Văn S, Lường Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời

khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như bản cáo trạng của VKS đã truy tố đối với các bị cáo.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Do có mối quan hệ quen biết gia đình người bị hại Trần Doãn Đ các bị cáo làm thuê tại xưởng sửa chữa ô tô của anh Đ tại đội 16, xã N, huyện Đ, anh Đ đã giao chìa khóa cửa xưởng sửa chữa ô tô cho S và Đ khi nào làm xong về thì khóa cửa lại và treo chìa khóa ở cửa xưởng để tiện cho việc sửa chữa. Lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của anh Đ, S và Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và đã lén lút 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp cụ thể:

Lần 1: Khoảng 18 giờ ngày 10/5/2018, sau khi làm việc tại xưởng sửa chữa ô tô của anh Đ xong, trên đường về lán hút cát của ông Nguyễn Ngọc H ở đội 16, xã N, huyện Đ thì Lương Văn S nói với Lương Văn Đ: "Tý nữa lấy cái máy xiết ốc, bu lông đi bán" nghe xong Đ nói: "Lấy thì lấy đi". Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S và Đ đi bộ đến xưởng sửa chữa ô tô của anh Đ để trộm cắp tài sản, lợi dụng buổi tối không có người trông xưởng và chìa khóa treo ở cửa xưởng nên S lấy chìa khóa mở cửa đi vào xưởng còn Đ đứng ngoài canh gác, khi S vào xưởng thì Đ quay về lán nhà ông H lấy xe mô tô nhãn hiệu Wave không biển kiểm soát của ông H ra cửa xưởng chờ. S đi vào xưởng mở nắp chiếc hòm gỗ thấy chiếc máy súng nén hơi xiết bu lông, bắn nhíp ô tô nhãn hiệu GT-S55R có giá trị 11.000.000đ tháo rời làm hai phần là phần thân máy và phần đầu máy, S nhặt một bao tải xác rắn ở gần đó cho phần thân máy vào trong rồi bê ra ngoài của thì thấy Đ đang ngồi trên xe mô tô của ông H đứng ở ngoài. S bê bao tải đựng thân máy đặt vào giá để hàng phía trước xe Đ đang ngồi rồi quay vào trong xưởng lấy nốt phần đầu máy ở trong hòm gỗ bê ra ngoài. S khóa cửa xưởng lại treo chìa khóa tại vị trí cũ trên cổng cửa xưởng và bê đầu máy ngồi lên xe. Sau đó Đ điều khiển xe đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Nguyễn Thị Y ở đội 24, xã N, huyện Đ bán tài sản trộm cắp được 250.000đ. Tiền bán sắt vụn S và Đ đi vào bản X, xã T, huyện Đ mua ma túy của người đàn ông H'Mông không biết tên và địa chỉ rồi sử dụng hết.

Lần 2: Khoảng 18 giờ ngày 15/5/2028, khi chuẩn bị hết giờ làm tại xưởng ô tô của anh Đ, S lại nói với Đ: "Tý nữa về lấy cái máy mài và máy khoan đem bán", Đ nói: "Lấy thì lấy đi". Lúc ra về, khi không còn ai trong xưởng S đã lén lút lấy 01 máy mài hiệu Makita-GA 4030, trị giá 900.000đ và 01 máy khoan hiệu Makita-MT817, trị giá 700.000đ được đặt ở cạnh chiếc hòm gỗ bên trong xưởng rồi dùng áo dài của S bọc lại vào 2 máy mang ra ngoài rồi khóa cửa xưởng lại treo chìa khóa ở chỗ cũ, sau đó S ra chỗ Đ đang đợi sẵn ở ngoài, Đ đèo S bằng xe đạp của gia đình đến quán hàn xì của anh Trần Văn T ở đội 24, xã N, huyện Đ bán cho anh T được 300.000đ. Số tiền bán máy mài và máy khoan S và Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã hoàn thành, theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ định, đã xác định giá trị của chiếc máy súng nén hơi xiết bu lông, bắn nhíp ô tô nhãn hiệu GT-S55R giá 11.000.000đ, 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu Makita- GA 4030 giá 900.000đ, 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu Makita-MT 817 giá 700.000đ. Tổng giá trị tài sản do các bị cáo S và Đ trộm cắp là 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự bàn bạc, phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể cho từng người, Bị cáo S là người khởi xướng đã rủ bị cáo Đ cùng thực hiện hành vi trộm cắp, còn bị cáo Đ là người thực hành tích cực, đặc biệt hai bị cáo lại là hai anh em ruột sinh đôi. Vì vậy cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị tài sản do các bị cáo trộm cắp. HĐXX sẽ căn cứ vào Điều 58/BLHS để xem xét, cân nhắc mức hình phạt cho phù hợp với từng bị cáo.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[4]. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo cho thấy: Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về tài sản cho chủ sở hữu, làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội trên địa bàn xã N nói riêng và huyện Đ nói chung, cho nên hành vi của các bị cáo cần được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lương Văn S và Lương Văn Đ cho thấy: Cả hai bị cáo cùng xuất thân từ gia đình nông dân thuần túy bản thân học đến lớp 10 thì bỏ học đến năm 2015 cả hai bị cáo đều sử dụng ma túy. Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, và điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. HĐXX xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian cai nghiện ma túy, tiếp tục cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền; Song xét thấy điều kiện các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, nguồn thu nhập chính là từ làm ruộng nên kinh tế rất khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp của anh Trần Doãn Đ gồm 01 máy súng nén hơi xiết bu lông, bắn nhíp lốp ô tô nhãn hiệu GT-S55R . 01 máy mài cầm tay nhãn hiệu Makita-GA 4030; 01 máy khoan cầm tay nhãn hiệu Makita-MT 817. Hiện các tài sản này Cơ quan điều tra không thu hồi được. Tại phiên tòa hôm nay anh Đức có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì HĐXX chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Y đã mua chiếc máy súng nén hơi xiết bu lông, bắn nhíp lốp của S và Đ. Song chị Y không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có, sau khi mua chị Y đã mang về Vĩnh Phúc bán cho người khác nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản và không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Thị Y do vậy HĐXX không có đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị Y.

Đối với Trần Văn T tại cơ quan điều tra anh T không thừa nhận việc đã mua chiếc máy mài và máy khoan của S và Đ, ngoài lời khai của S và Đ không có ai làm chứng nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản và không có cơ sở để xử lý đối với Trần Văn T, HĐXX không có đủ chứng cứ để xử lý Trần Văn T.

Đối với 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave không biển kiểm soát của Nguyễn Ngọc H và một chiếc xe đạp của Lương Văn B mà hai bị cáo S và Đ đã dùng làm phương tiện vận chuyển đồ trộm cắp đem đi bán, do ông H và ông B không biết việc S và Đ sử dụng xe của mình vào việc phạm tội nên HĐXX không đề cập xử lý đối với ông B và ông H

Các bị cáo khai số tiền bán tài sản trộm cắp được đã mua ma túy của 01 người đàn ông dân tộc H'Mông không biết tên và địa chỉ tại bản X, xã T, huyện Đ nên cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được. HĐXX không xem xét.

[8]. **Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58/BLHS năm 2015;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn Đ đều phạm tội: ***“Trộm cắp tài sản”***.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn S 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (20/10/2018).

- Xử phạt bị cáo Lương Văn Đ 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (20/10/2018).

2. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Lương Văn S, Lương Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Lương Văn S, Lương Văn Đ có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn B có mặt tại tòa có quyền kháng phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Y, anh Trần Văn T, ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ

của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Điện Biên;
- Bộ phận HNV CAH Điện Biên;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo; NCQL,NVLQ;
- Người bị hại;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên